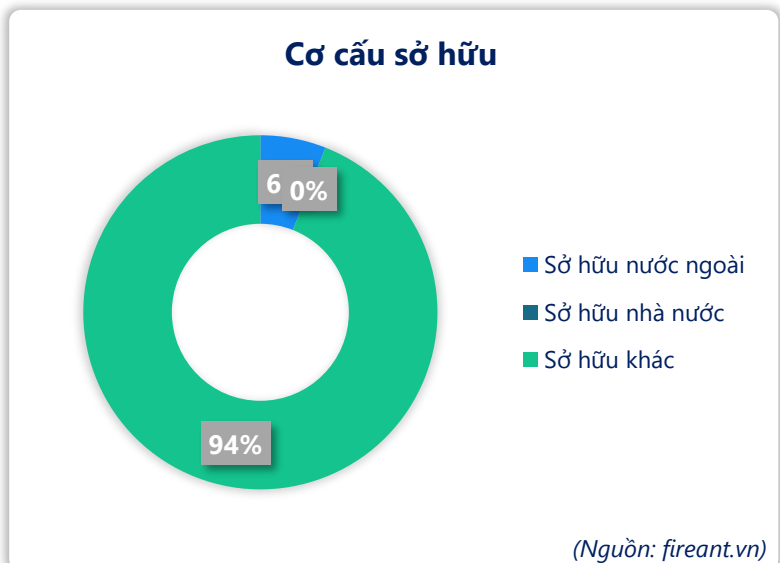
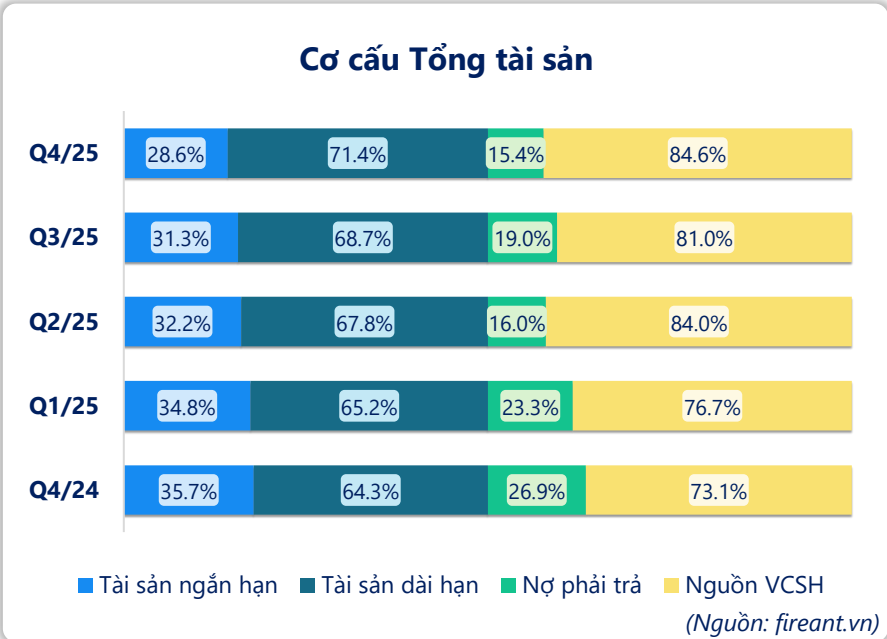
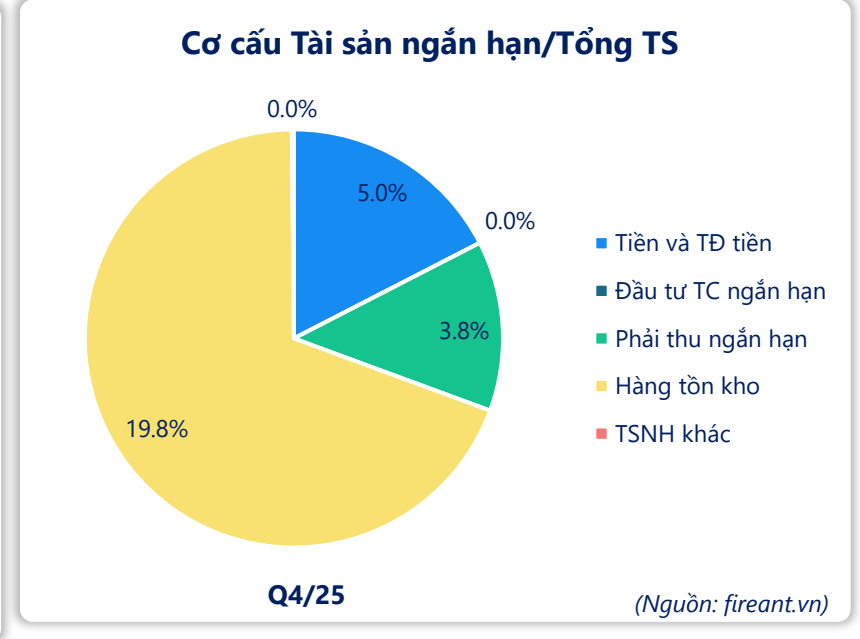
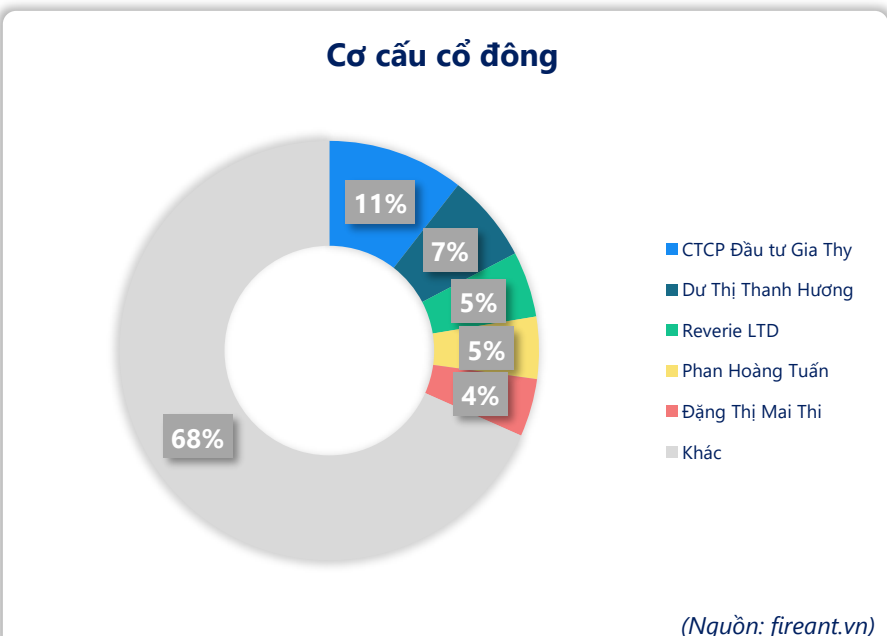
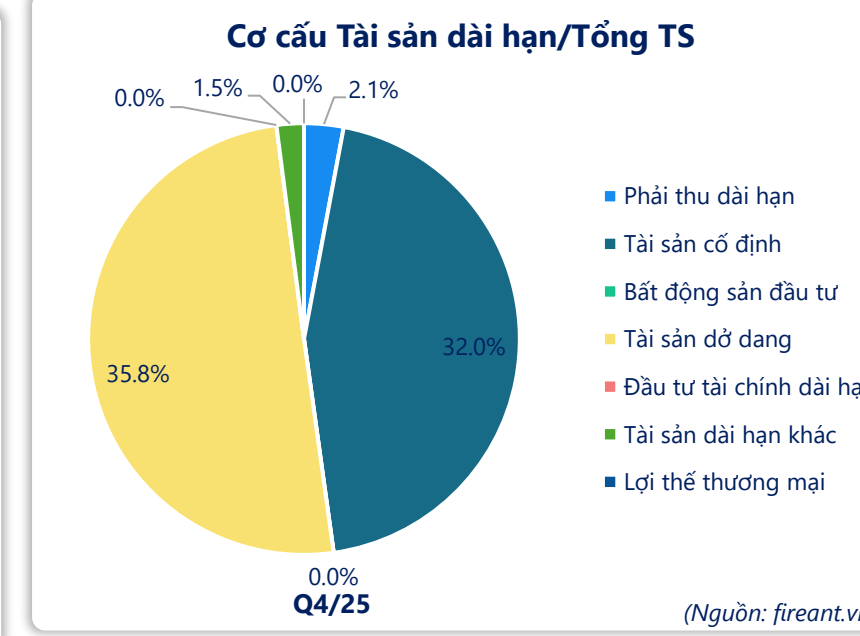
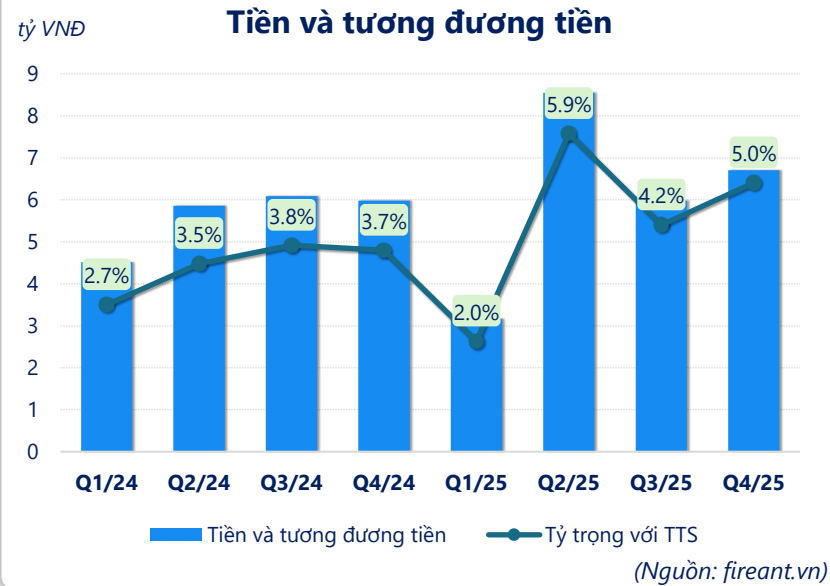
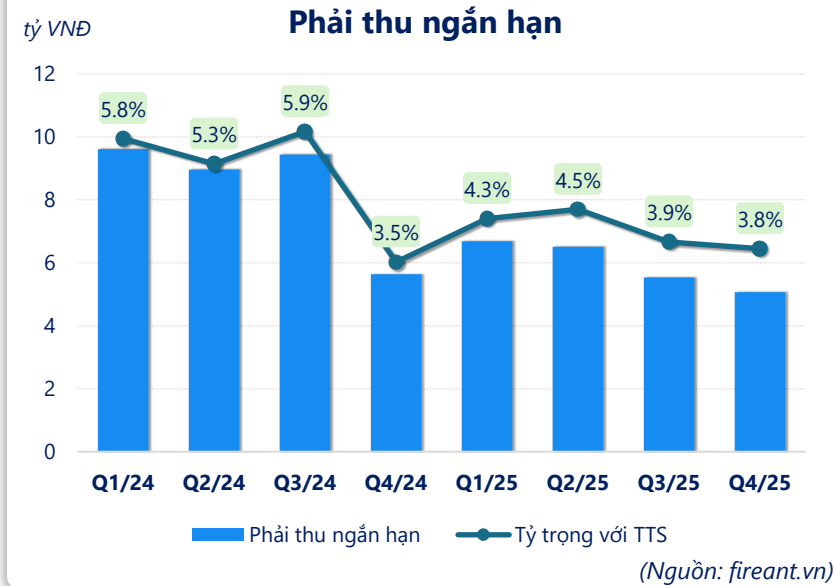
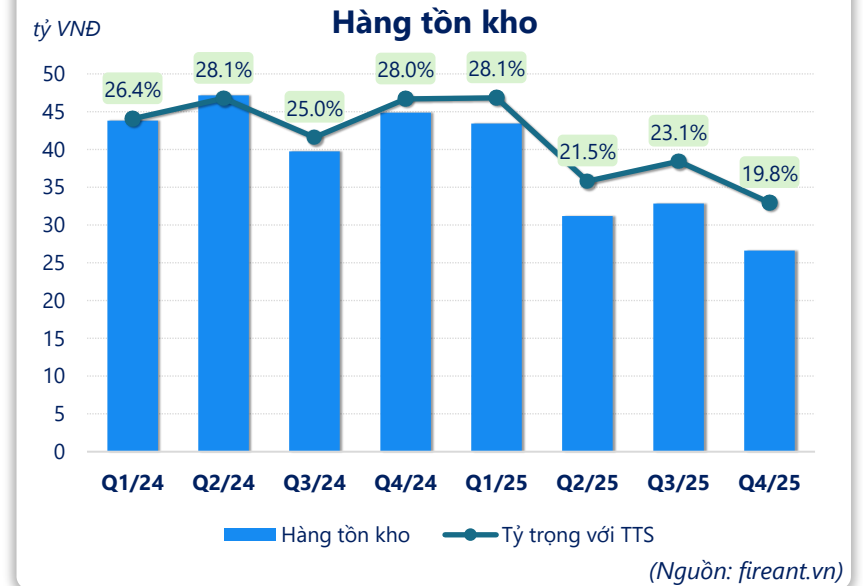
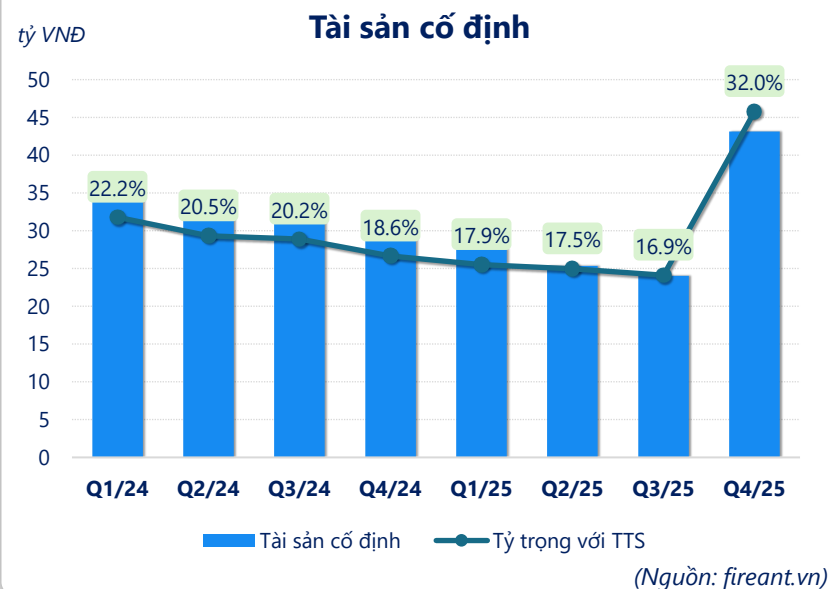
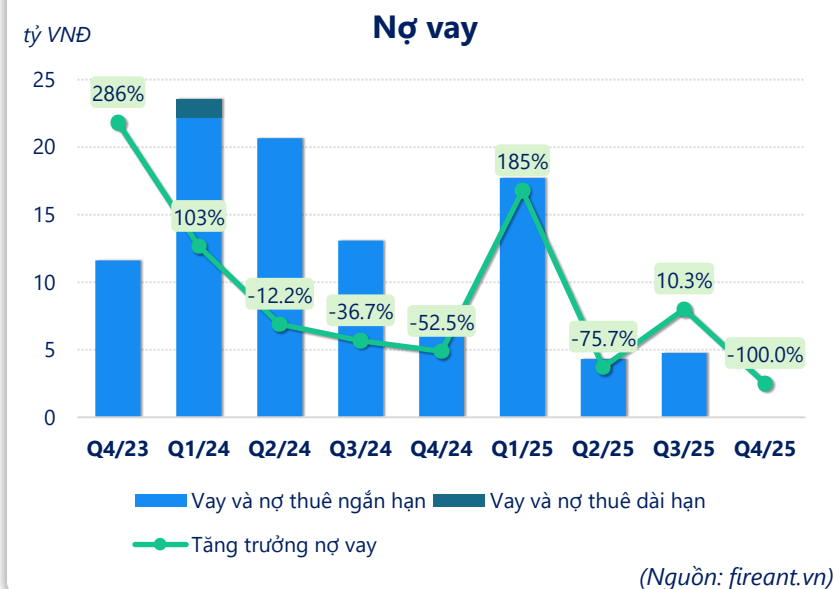
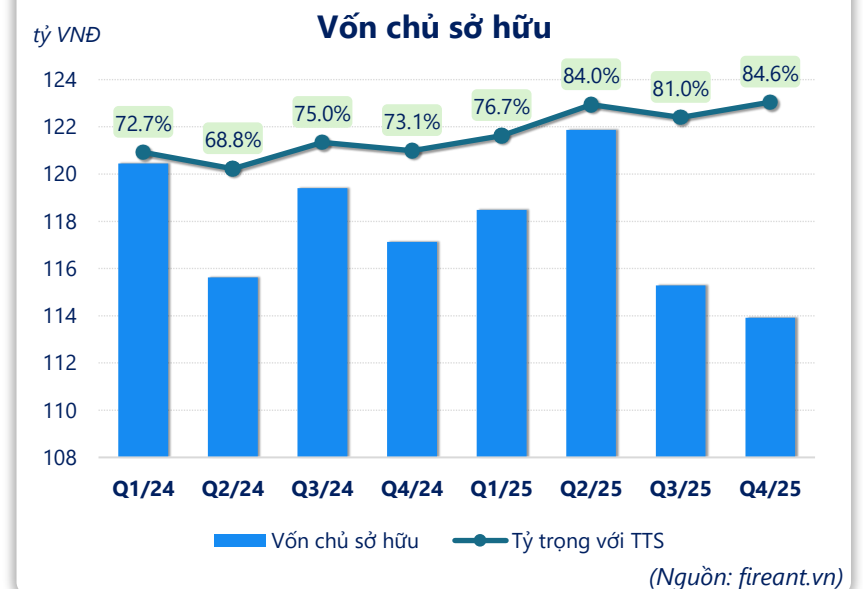
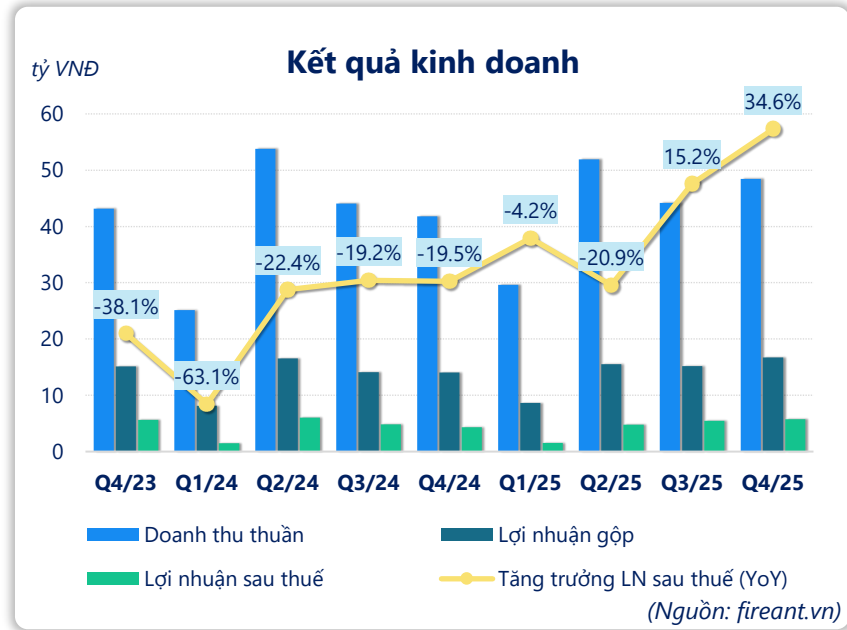
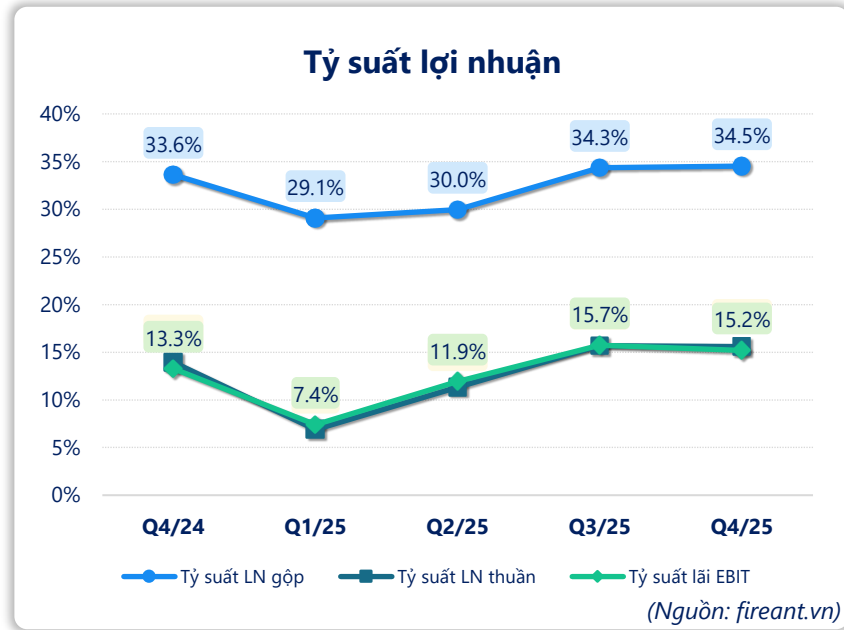
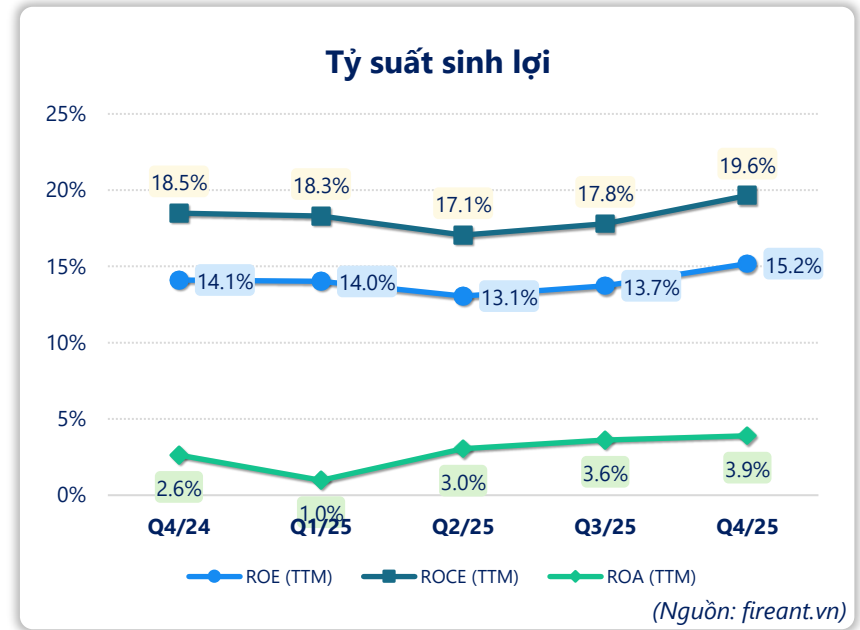
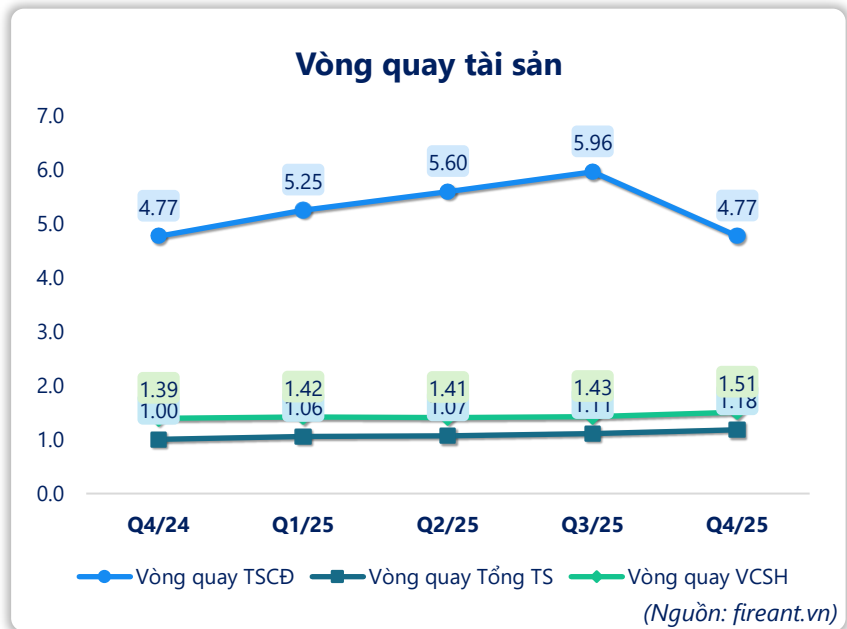
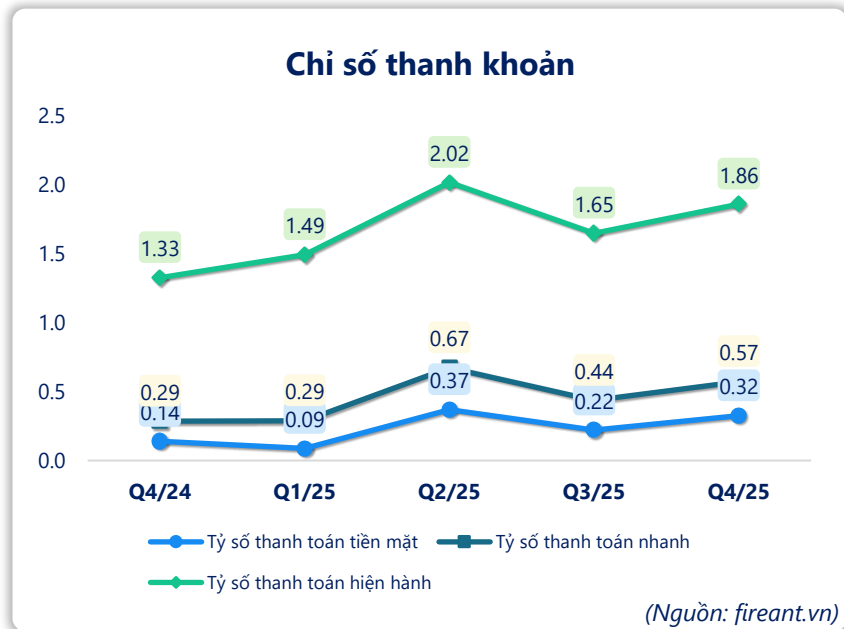
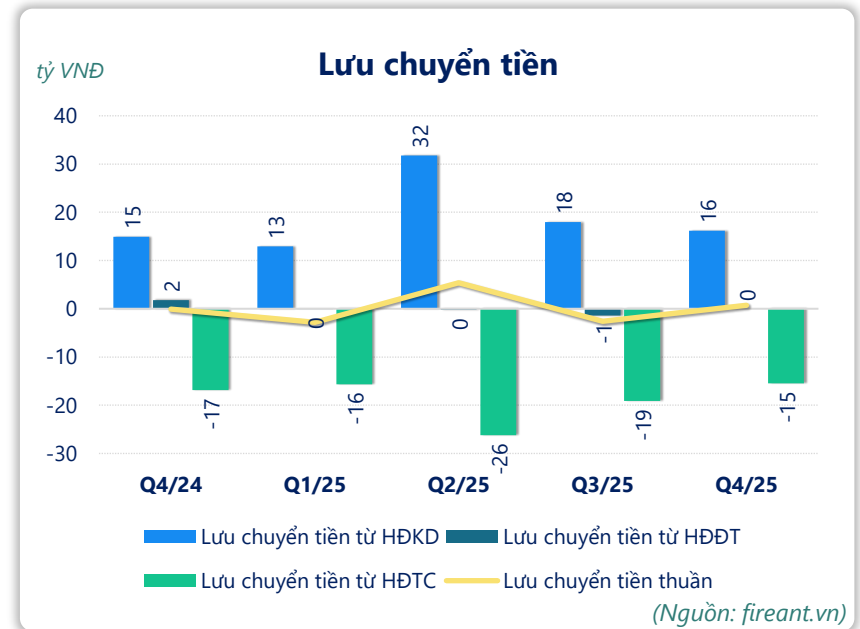


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,194
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,200
SL cổ phiếu LH		9,034,451
KLGD BQ 20 phiên (CP)		10,600
% sở hữu nước ngoài		6.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		134
P/E		7.6
EPS		1,941

	YTD	1T	3T	6T
GMX	-8.2%	-3.3%	-7.9%	-8.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	135	160	-16.1%
Tài sản ngắn hạn	38.4	57.3	-32.9%
Tiền và tương đương tiền	6.71	5.98	12.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	5.06	5.73	-11.7%
Hàng tồn kho	26.6	44.9	-40.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.06	0.70	-91.4%
Tài sản dài hạn	96.1	103	-6.7%
Phải thu dài hạn	2.84	2.77	2.7%
Tài sản cố định	43.1	29.9	44.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	48.2	68.8	-29.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.97	1.60	23.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	20.7	43.1	-52.0%
Nợ ngắn hạn	20.7	43.1	-52.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	6.21	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.95	18.1	-67.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	114	117	-2.9%
Vốn chủ sở hữu	114	117	-2.9%
Vốn điều lệ	90.4	90.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	41.8	29.6	51.9	44.2	48.4
Giá vốn hàng bán	27.8	21.0	36.4	29.0	31.7
Lợi nhuận gộp	14.1	8.62	15.5	15.2	16.7
Doanh thu HĐTC	0.02	0.00	0.00	0.03	0.03
Chi phí TC	0.10	0.22	0.20	0.04	0.04
Chi phí lãi vay	0.10	0.22	0.20	0.04	0.04
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.19	2.80	5.85	4.94	5.42
Chi phí QLDN	3.96	3.56	3.61	3.29	3.75
LN thuần từ HĐKD	5.83	2.04	5.89	6.93	7.55
Lợi nhuận khác	-0.37	-0.07	0.10	-0.02	-0.22
LN trước thuế	5.45	1.98	5.99	6.91	7.33
Lợi nhuận sau thuế	4.32	1.57	4.76	5.46	5.74
LNST của CĐ cty mẹ	4.32	1.57	4.76	5.46	5.74

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	14.9	12.9	31.8	17.9	16.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.80	-0.05	-0.20	-1.39	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-16.8	-15.7	-26.2	-19.1	-15.5
Tiền đầu kỳ	6.09	7.50	4.69	8.55	5.98
Lưu chuyển tiền thuần	-0.11	-2.81	5.38	-2.57	0.73
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.98	4.69	8.55	5.98	6.71

(Nguồn: fireant.vn)